

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Khu dân cư đường N4A nối dài về phía Đông (diện tích 12,95 ha)  
của UBND thị xã An Nhơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 3204/STNMT-CCBVMT ngày 11/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu dân cư đường N4A nối dài về phía Đông (diện tích 12,95 ha);*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư đường N4A nối dài về phía Đông (diện tích 12,95 ha) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 336/UBND ngày 22/3/2023 của UBND thị xã An Nhơn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 327/TTr-STNMT ngày 05/4/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư đường N4A nối dài về phía Đông (diện tích 12,95 ha) (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nhơn Hưng và xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND phường Nhơn Hưng;
- UBND xã Nhơn An;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**



### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

#### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,35 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 01 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất cát,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

#### b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 156 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao...

### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

#### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC,...

#### b) Giai đoạn hoạt động

Mùi từ khu vực bể tự hoại tập trung. Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư.

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình (bao bì đựng xi măng, xà bần,...) phát sinh khoảng 10-15 kg/ngày.

- Quá trình thi công xây dựng phát sinh khoảng 4.118 m<sup>3</sup> đất bóc hữu cơ. Đất bóc phong hóa phạm vi nghĩa địa và phá bỏ đường bê tông hiện trạng là 2.262 m<sup>3</sup>.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 24 kg/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1.174 kg/ngày.

#### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát (dầu mỡ

thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu...) với khối lượng khoảng 45 kg trong thời gian thi công.

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 105 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, linh kiện điện tử hỏng, bình xịt côn trùng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải

- Tác động từ quá trình chiếm dụng đất, tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự, an ninh xã hội khu vực dự án.

#### 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

##### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

##### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng với nước thải sinh hoạt, các tuyến thoát nước mưa được thiết kế tự chảy trên cơ sở tận dụng độ dốc của địa hình và đảm bảo thu hết nước trong khu vực. Nước mưa được thu gom theo đường ống D600 – D1200. Hệ thống thoát nước được chia làm 03 lưu vực:

Lưu vực 1 (phía Tây dự án): bao gồm khu dân cư hiện trạng với tổng diện tích khoảng 6 ha, nước mưa của dự án được thu gom bằng các tuyến cống tròn D600-D1200, đầu nối với cống qua đường trên đường N4A (đã thi công) thoát về mương hiện trạng phía Nam dự án.

Lưu vực 2 (phía Đông dự án): diện tích khoảng 2,3 ha, nước mưa của dự án được thu gom bằng các tuyến cống tròn D600-D800, đầu nối với cống D800

trên đường N4A thoát về mương hiện trạng phía Tây dự án.

Lưu vực 3 (phía Đông dự án): diện tích khoảng 3,8 ha, nước mưa của dự án được thu gom bằng các tuyến cống tròn D600-D800, đầu nối với cống D800 trên đường N4A đã thi công thoát về mương hiện trạng ở phía Tây dự án.

+ Thoát nước cho khu dân cư hiện trạng:

Đối với khu dân cư hiện trạng ở phía Bắc (của khu phía Tây), có cao độ bằng cao độ san nền của dự án, nước mưa được thu gom bằng tuyến mương đập đan BTCT B = 0,4 m, L = 792 m dọc theo đường bê tông tiếp giáp khu dân cư hiện trạng.

Đối với khu dân cư hiện trạng phía Đông, có cao độ thấp hơn cao độ san nền dự án khoảng 0,5 m, nước mưa được thu gom bằng tuyến mương đập đan B = 0,4 m dọc theo đường bê tông hiện trạng, đầu nối vào cống thoát nước D800 ở phía Tây dự án.

+ Hoàn trả mương tưới hiện trạng:

Bố trí tuyến mương đập đan B = 0,6 m (bằng kích thước mương hiện trạng) nằm dưới đường N1 và tuyến mương hở B = 0,5 m (bằng kích thước mương hiện trạng) dọc mái taluy N7 để hoàn trả lại tuyến mương đi qua dự án.

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại của các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính bằng ống HDPE-PE100 có đường kính D300. Nước thải sau khi thu gom được tiếp tục xử lý theo phương án cụ thể như sau:

+ Theo Quy hoạch 1/2.000 của UBND thị xã An Nhơn, nước thải của dự án được đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu vực thôn Tân Dương, xã Nhơn An. Hiện nay, Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án xây dựng nhà máy XLNT tập trung, do đó:

Giai đoạn đầu của dự án: Xây dựng bể tự hoại 05 ngăn tập trung có công suất 156 m<sup>3</sup>/ngày đêm, sau đó xả thải vào mương phía Nam của Dự án tại vị trí có tọa độ: X = 1.539.127; Y = 592.637 (tọa độ VN2000, mũi chiếu 3 độ), phương thức xả thải là tự chảy.

Về lâu dài (khi nhà máy XLNT tập trung của thị xã An Nhơn tại khu vực thôn Tân Dương, xã Nhơn An được xây dựng): Bể tự hoại 05 ngăn sẽ được chuyển công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung của thị xã để xử lý.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.
- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng, đặc biệt vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn bộ khu vực dự án.
- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại mỗi công trường thi công để thu gom và xử lý theo quy định.
- Đất bóc phong hóa, đất đào hữu cơ đều được tận dụng đổ vào diện tích cây xanh của Dự án.

b) Giai đoạn hoạt động

Rác thải sinh hoạt tại các gia đình được đơn vị thu gom chất thải rắn trên địa bàn đến thu gom và vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, 69, 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công theo đúng quy định. Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn bằng cách bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét kênh thu nước đảm bảo không gây sa bồi xuống hạ lưu; thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án**

### 5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu dân cư hiện trạng tại khu dân cư phía Bắc thuộc khu dự án phía Tây (tọa độ: X: 1.539.062; Y:591.648).

+ 01 mẫu xung quanh tại khu dân cư hiện trạng phía Tây thuộc khu dự án phía Đông (tọa độ: X: 1.539.230; Y: 592.675).

- Các chỉ tiêu giám sát: : CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, bụi, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.